

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

97 PHẠM HỮU CHÍ P.12 Q.5

ĐT: 38552354 - FAX: 39550424



BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2019



NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		150,313,302,399	130,415,903,775
I . Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	33,133,810,484	32,462,303,526
1. Tiền	111		33,133,810,484	18,462,303,526
2. Các khoản tương đương tiền	112			14,000,000,000
II . Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	64,600,355,526	50,596,753,234
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		64,600,355,526	50,596,753,234
III . Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34,214,818,457	24,618,651,194
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	22,940,131,431	20,962,680,069
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8,161,770,292	3,649,014,710
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	5,327,652,503	2,221,692,184
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2,214,735,769)	(2,214,735,769)
IV . Hàng tồn kho	140	V.7	15,463,152,595	16,295,325,787
Hàng tồn kho	141		15,463,152,595	16,295,325,787
V . Tài sản ngắn hạn khác	150		2,901,165,337	6,442,870,034
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1,603,497,031	2,213,660,600
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		949,129,201	4,229,209,434
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		348,539,105	-
B . TÀI SẢN DÀI HẠN	200		282,698,683,712	292,814,137,848
I . Các khoản phải thu dài hạn	210		13,292,634	13,292,634
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	13,292,634	13,292,634
II . Tài sản cố định	220		214,656,103,844	222,772,919,456
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	213,536,328,065	222,302,125,599
Nguyên giá	222		742,207,970,226	728,842,790,708
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(528,671,642,161)	(506,540,665,109)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1,119,775,779	470,793,857
Nguyên giá	228		6,373,359,666	5,074,186,666
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5,253,583,887)	(4,603,392,809)
III . Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV . Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	8,260,900,685	9,690,368,158
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8,260,900,685	9,690,368,158
V . Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	8,330,000	8,330,000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8,330,000	8,330,000
VI . Tài sản dài hạn khác	260		59,760,056,549	60,329,227,600
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	59,760,056,549	60,329,227,600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		433,011,986,111	423,230,041,623

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
C . NỢ PHẢI TRẢ		300		222,005,898,897	212,501,383,269
I . Nợ ngắn hạn		310		171,099,325,866	169,862,060,477
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.12	76,972,518,459	106,546,476,852
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.13	7,164,660,021	6,259,777,265
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.14	11,147,947,444	11,757,132,561
4. Phải trả người lao động		314		4,591,678,460	15,936,994,299
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	V.15	41,882,398,171	12,090,394,702
6. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.16a	21,345,545,724	10,254,644,878
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.17a	2,515,440,000	3,737,480,000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322	V.18	5,479,137,587	3,279,159,920
II . Nợ dài hạn		330		50,906,573,031	42,639,322,792
1. Phải trả dài hạn khác		337	V.16b	16,554,728,200	16,371,815,341
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	V.17b	31,538,998,366	23,454,660,986
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341	V.19	2,812,846,465	2,812,846,465
D . VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		211,006,087,214	210,728,658,354
I . Vốn chủ sở hữu		410	V.20	211,006,087,214	210,728,658,354
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		130,000,000,000	130,000,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		130,000,000,000	130,000,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển		418		63,849,723,527	63,849,723,527
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		17,156,363,687	16,878,934,827
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a		942,434,827	3,325,468,227
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		421b		16,213,928,860	13,553,466,600
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		433,011,986,111	423,230,041,623

Thành phố Hồ chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2019


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng




HUỲNH TUẤN ANH
 Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ II		LŨY KẾ 6 THÁNG	
			Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		267,884,600,754	250,812,298,711	522,215,351,401	485,502,944,905
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		504,342,917	106,496,894	592,960,320	263,991,228
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	267,380,257,837	250,705,801,817	521,622,391,081	485,238,953,677
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	238,193,628,169	237,263,064,379	472,324,132,464	463,347,523,807
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29,186,629,668	13,442,737,438	49,298,258,617	21,891,429,870
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	689,804,718	448,355,939	939,664,440	591,337,604
7. Chi phí tài chính	22	VL4	624,704,713	183,990,783	1,269,677,818	340,461,419
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		624,704,713	183,990,783	1,269,677,818	340,461,419
8. Chi phí bán hàng	25	VL5	4,385,678,187	4,332,553,920	8,914,753,405	7,978,356,284
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL6	10,193,875,342	10,282,053,003	20,305,976,701	18,455,350,789
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14,672,176,144	(907,504,329)	19,747,515,133	(4,291,401,018)
11. Thu nhập khác	31		885,038,304	972,317,620	1,007,023,011	1,080,220,551
12. Chi phí khác	32		991,905,809	261,247,032	1,240,580,381	(16,245,764)
13. Lợi nhuận khác	40	VL7	(106,867,505)	711,070,588	(233,557,370)	1,096,466,315
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14,565,308,639	(196,433,741)	19,513,957,763	(3,194,934,703)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL8	2,411,148,217	-	3,300,028,903	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	729,688,624	-	729,688,624
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12,154,160,422	(926,122,365)	16,213,928,860	(3,924,623,327)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9a	935	(71)	1,247	(302)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL9b	935	(71)	1,247	(302)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2018


 NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


 VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng


 HUỖNH TUẤN ANH
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng 2019	6 tháng 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19,513,957,763	(3,194,934,703)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		23,596,890,529	22,611,101,788
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(839,824,146)	(664,988,426)
- Chi phí lãi vay	06		1,269,677,818	340,461,419
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		43,540,701,964	19,091,640,078
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7,606,095,909)	(3,084,113,153)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		832,173,192	5,133,866,791
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1,367,673,275)	10,931,478,063
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,179,334,620	13,808,438,966
- Tiền lãi vay đã trả	14		(798,917,502)	(340,461,419)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2,631,177,025)	(3,520,826,326)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		50,300,000	113,590,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3,386,822,333)	(3,831,803,840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29,811,823,732	38,301,809,160
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(23,851,054,826)	(35,857,970,928)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	73,650,822
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(62,980,287,033)	(48,044,164,384)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		48,976,684,741	13,000,000,000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,881,134,214	674,775,104
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(35,973,522,904)	(70,153,709,386)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		9,129,737,380	16,761,338,627
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2,267,440,000)	(895,990,345)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29,091,250)	(3,669,478,965)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6,833,206,130	12,195,869,317
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		671,506,958	(19,656,030,909)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		32,462,303,526	50,360,540,017
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	33,133,810,484	30,704,509,108

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2018


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng


HUỲNH TUẤN ANH
 Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất lần thứ nhất ngày 02 tháng 06 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 05 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số 0304797806 ngày 18 tháng 5 năm 2018, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Huỳnh Tuấn Anh thay thế Ông Lê Trọng Hiếu

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/2010/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 13.000.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 130.000.000.000 VND. Ngày 11 tháng 01 năm 2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CLW.

• **Vốn điều lệ** : 130.000.000.000 VND

Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 97 đường Phạm Hữu Chí, Phường 12, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-08) 3 9552 354

Fax : (84-08) 3 9550 424

Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính

Công ty hiện đang hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước sạch phục vụ tiêu dùng và sản xuất, cùng với sự phát triển của hệ thống đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật nói chung và hệ thống công trình cấp nước nói riêng từng bước được đầu tư xây dựng đồng bộ nhằm đáp ứng các nhu cầu của xã hội là sự gia tăng về các chi phí lắp đặt hệ thống, mạng lưới cấp nước. Nhằm tuân thủ các quy định tại Nghị định 117/2007/ NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, Hàng năm Công ty phát sinh một khoản chi phí gắn mới đồng hồ nước miễn phí cho dân theo kế hoạch của Ủy Ban nhân dân Thành phố mỗi năm là khác nhau. Năm nay Công ty thay đổi thời gian phân bổ chi phí gắn mới đồng hồ nước này từ 3 năm lên 5 năm cho phù hợp với đặc tính kỹ thuật của đồng hồ nước. Việc thay đổi thời gian phân bổ này có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty trong năm nay (Xem thuyết minh số III.2).

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 461 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 456 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là kỳ kế toán năm thứ 13 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Thay đổi ước tính kế toán

Căn cứ Thông tư 23/2013/TT-BKHCN về việc quy định đo lường đối với các phương tiện đo nhóm 2, trong đó đồng hồ nước lạnh cơ khí chu kỳ kiểm định là 5 năm. Ban Giám đốc Công ty quyết định thay đổi thời gian phân bổ các chi phí phát sinh liên quan đến việc gắn mới đồng hồ nước từ 3 năm lên 5 năm cho phù hợp với đặc tính kỹ thuật của đồng hồ nước kể từ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013" và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định", cụ thể như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc thiết bị	05 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Phương tiện truyền dẫn	10 – 30

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 2 - 3 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Tài sản cố định” khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên, chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cải tạo ống mucus và chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí cải tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Chi phí gắn đồng hồ nước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả bồi thường, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Năm nay là năm thứ 10 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2019	01/01/2019
Tiền mặt	44.724.127	15.458.083
Tiền gửi ngân hàng	33.089.086.357	18.446.845.443
Các khoản tương đương tiền (i)		14.000.000.000
Cộng	33.133.810.484	32.462.303.526

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a) Ngắn hạn	64.600.355.526	64.600.355.526	50.596.753.234	50.596.753.234
Tiền gửi có kỳ hạn	64.600.355.526	64.600.355.526	50.596.753.234	50.596.753.234
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn (i)	31.800.355.526	31.800.355.526	33.096.753.234	33.096.753.234
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (ii)	32.800.000.000	32.800.000.000	17.500.000.000	17.500.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Dài hạn	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Các khoản đầu tư khác	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Cộng	64.608.685.526	64.608.685.526	50.605.083.234	50.605.083.234

(i) Khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 7.1%/ năm

(ii) Khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 5.1 tới 5.4%/ năm

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khách hàng liên quan đến ngành nước	22.940.131.431	(2.214.735.769)	20.962.680.069	(2.214.735.769)
Cộng	22.940.131.431	(2.214.735.769)	20.962.680.069	(2.214.735.769)

Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	9.401.199.062	-	12.951.055.881	-
Cộng	9.401.199.062	-	12.951.055.881	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty TNHH ĐTXD - Cấp Thoát Nước & Môi Trường WASEEN	2.328.944.255	734.715.075
Công ty TNHH Du Lịch Trần Việt	1.074.192.000	-
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	-	1.021.211.847
Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn	2.231.400.000	21.600.000
Công ty TNHH MTV Bá Đức	1.221.360.401	1.424.379.997
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	176.086.107	103.158.207
DNTN Vận Tải Du Lịch Hoàng Quân	466.160.000	-
Các khách hàng khác	663.627.529	343.949.584
Cộng	8.161.770.292	3.649.014.710

Trong đó trả trước người bán là các bên liên quan

Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	176.086.107	103.158.207
Cộng	176.086.107	103.158.207

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	4.103.387.310	-	2.221.692.184	-
<i>Phải thu khác là bên liên quan</i>	<i>15.695.000</i>	<i>-</i>	<i>15.695.000</i>	<i>-</i>
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		-	-	-
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch	15.695.000		15.695.000	
<i>Phải thu khác</i>	<i>5.311.957.503</i>	<i>-</i>	<i>2.205.997.184</i>	<i>-</i>
Phải thu về khoản cho mượn vật tư - Các phòng ban Công ty cổ phần Cấp Nước Chợ Lớn	4.994.020.384	-	882.388.624	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	941.469.774	-
Phải thu khác	273.837.119	-	382.138.786	-
Tạm ứng	44.100.000	-	-	-
b) Phải thu dài hạn khác	13.292.634	-	13.292.634	-
Ký quỹ dài hạn	13.292.634	-	13.292.634	-
Cộng	5.340.945.137	-	2.234.984.818	-

6. Nợ xấu

	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769
Cộng	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm.... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

7. Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.335.371.350	-	16.167.544.542	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	127.781.245	-	127.781.245	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cộng	15.463.152.595	-	16.295.325.787	-

8. Chi phí trả trước

	30/06/2019	01/01/2019
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	1.603.497.031	2.213.660.600
Công cụ dụng cụ	1.603.497.031	1.443.860.596
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	-	769.800.004
b) Chi phí trả trước dài hạn	59.760.056.549	60.329.227.600
Chi phí sửa chữa văn phòng	364.852.164	127.590.081
Gắn đồng hồ nước theo Nghị định 117	42.453.228.580	43.602.581.187
Thay đồng hồ nước	10.715.226.318	9.513.146.861
Chi phí cài tạo ống mục	1.085.710.040	833.154.405
Lắp đặt màn sáo	-	12.941.530
Chi phí cài tạo ống mục chống thất thoát nước...	5.035.574.546	4.997.114.068
Công cụ dụng cụ	-	35.521.955
Phần mềm ARCGIS	-	996.247.708
Xây dựng nhà kho vật tư	105.464.901	210.929.805
Cộng	61.363.553.580	62.542.888.200

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa. vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải. truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2019	29.216.148.586	1.004.708.486	679.856.926.952	18.765.006.684	728.842.790.708
Tăng trong năm	-	259.448.182	13.964.111.775	132.500.000	14.356.059.957
Mua trong năm	-	259.448.182	1.200.563.818	132.500.000	1.592.512.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	12.763.547.957	-	12.763.547.957
Giảm trong năm	-	-	990.880.439	-	990.880.439
Thanh lý, nhượng bán	-	-	915.562.693	-	915.562.693
Giảm nguyên giá theo Quyết toán	-	-	75.317.746	-	75.317.746
Sửa chữa, tu bổ	-	-	-	-	-
30/06/2019	29.216.148.586	1.264.156.668	692.830.158.288	18.897.506.684	742.207.970.226
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2019	1.744.608.733	889.171.758	489.441.407.626	14.465.476.992	506.540.665.109
Tăng trong năm	292.765.242	36.065.272	21.456.781.445	1.161.087.492	22.946.699.451
Khấu hao trong năm	292.765.242	36.065.272	21.456.781.445	1.161.087.492	22.946.699.451
Giảm trong năm	-	-	815.722.399	-	815.722.399
Thanh lý, nhượng bán	-	-	815.722.399	-	815.722.399
Giảm theo Quyết toán	-	-	-	-	-
30/06/2019	2.037.373.975	925.237.030	510.082.466.672	15.626.564.484	528.671.642.161
Giá trị còn lại					
01/01/2019	27.471.539.853	115.536.728	190.415.519.326	4.299.529.692	222.302.125.599
30/06/2019	27.178.774.611	338.919.638	182.747.691.616	3.270.942.200	213.536.328.065
<i>Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng, chi tiết:</i>					
01/01/2019	-	801.366.486	279.536.766.250	8.307.711.043	288.645.843.779
30/06/2019	-	801.366.486	290.209.251.429	9.516.067.828	300.526.685.743

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Phần mềm Quản lý</u>	<u>Cộng TSCĐ vô hình</u>
Nguyên giá		
01/01/2019	5.074.186.666	5.074.186.666
Tăng trong năm	1.299.173.000	1.299.173.000
Mua trong năm	1.299.173.000	1.299.173.000
Giảm trong năm	-	-
30/06/2019	6.373.359.666	6.373.359.666
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2019	4.603.392.809	4.603.392.809
Tăng trong năm	650.191.078	650.191.078
Khấu hao trong năm	650.191.078	650.191.078
Giảm trong năm	-	-
30/06/2019	5.253.583.887	4.980.117.386
Giá trị còn lại		
01/01/2019	470.793.857	470.793.857
30/06/2019	1.119.775.779	1.119.775.779
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		
01/01/2019	3.951.186.666	3.951.186.666
30/06/2019	4.221.186.666	4.221.186.666

11. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Xây dựng cơ bản dở dang		
Công trình di dời đường ống	3.428.234.997	3.421.749.270
Công trình chống thất thoát nước	986.897.053	986.897.053
Công trình cải tạo ống mục	-	-
Công trình ống cái	1.124.229.935	1.441.724.098
Phát triển mạng lưới	2.721.538.700	2.820.694.737
Phát triển phần mềm Gis	-	1.019.303.000
Cộng	8.260.900.685	9.690.368.158

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	69.009.450.310	69.009.450.310	95.768.554.632	95.768.554.632
Công ty CP ĐT XD Kỹ Nguyên	756.243.764	756.243.764	6.409.323.688	6.409.323.688
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	217.419.322	217.419.322	74.106.992	74.106.992
Công ty Quản lý CT Giao Thông Sài Gòn	83.278.442	83.278.442	572.315.082	572.315.082
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh	150.756.456	150.756.456	223.677.256	223.677.256
Công ty TNHH KT TM và Dịch vụ BNS	102.379.300	102.379.300	302.702.500	302.702.500
Công ty TNHH PTP	2.167.357.500	2.167.357.500		
Công ty CP Thiên Đại Phát	79.272.027	79.272.027	224.776.299	224.776.299
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Minh Hòa	1.444.465.000	1.444.465.000	454.778.500	454.778.500
Công ty CP Kỹ Thuật Bách Nghệ Phú Thọ	774.632.232	774.632.232	67.584.000	67.584.000
Nhà cung cấp khác	2.187.264.106	2.187.264.106	2.448.657.903	2.448.657.903
Cộng	76.972.518.459	76.972.518.459	106.546.476.852	106.546.476.852

Trong đó phải trả người bán là bên liên quan

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn	69.009.450.310	69.009.450.310	95.768.554.632	95.768.554.632
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh	150.756.456	150.756.456	223.677.256	223.677.256
Cộng	68.645.075.766	68.645.075.766	95.992.231.888	95.992.231.888

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Truy thu tiền thất thoát nước	524.185.494	624.679.257
Tạm thu chi phí thiết kế ống cống	255.893.390	226.393.390
Tiền nước chưa giải trách	6.377.646.947	5.390.542.199
Khu quản lý giao thông đô thị số 1		-
Các khách hàng khác	6.934.190	18.162.419
Cộng	7.164.660.021	6.259.777.265

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	01/01/2019	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2019
Thuế Giá trị gia tăng nội địa	656.393.409	-	656.393.409	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.297.663.861	3.300.028.903	2.631.177.025	1.966.515.739
Thuế thu nhập cá nhân	399.384.651	2.255.658.997	3.003.582.753	(348.539.105)
Tiền nhà đất, tiền thuê đất	-	590.234.400	590.234.400	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí bảo vệ môi trường	9.403.690.640	49.288.668.674	49.510.927.609	9.181.431.705
Cộng	11.757.132.561	55.437.590.974	56.395.315.196	10.799.408.339

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán	840.818.087	6.658.888.973
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo Nghị định 117	3.869.963.141	4.284.122.474
Trích trước chi phí thuê tài sản của Tổng Công ty	23.160.631.104	-
Trích trước CP sửa bể.TLMD sửa bể.nâng dờn ĐHN	3.857.245.199	-
Trích trước chi phí gắn Ống cái	556.854.421	186.857.932
Thù lao Hội đồng quản trị	216.000.000	345.600.003
Trích trước chênh lệch giá mua si	5.218.862.269	-
Chi phí khác (kinh phí đăng, DV vệ sinh)	4.162.023.950	614.925.320
Cộng	41.882.398.171	12.090.394.702

16. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	21.345.545.724	10.254.644.878
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	711.572.719	711.572.719
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	70.000.000	70.000.000
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	9.387.138	9.387.138
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	5.412.301.564	5.547.209.146
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	200.861.007	27.396.443
Cổ tức phải trả cho cổ đông	11.436.087.485	1.065.178.735
Các khoản phải trả khác	3.505.335.811	2.823.900.697
b) Phải trả dài hạn khác	16.554.728.200	16.371.815.341
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước	16.554.728.200	16.371.815.341
Cộng	37.900.273.924	26.626.460.219

Trong đó phải trả khác là bên liên quan

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	711.572.719	711.572.719
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	70.000.000	70.000.000
Cộng	781.572.719	781.572.719

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vay và nợ tài chính**

	01/01/2019		Trong năm		30/06/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.737.480.000	3.737.480.000	1.045.400.000	2.267.440.000	2.515.440.000	2.515.440.000
Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn Ngân hàng NN&PTNT đến hạn trả (i)	3.737.480.000	3.737.480.000	1.045.400.000	2.267.440.000	2.515.440.000	2.515.440.000
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23.454.660.986	23.454.660.986	9.129.737.380	1.045.400.000	31.538.998.366	31.538.998.366
Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn Ngân hàng NN&PTNT (i)	23.454.660.986	23.454.660.986	9.129.737.380	1.045.400.000	31.538.998.366	31.538.998.366
Cộng	27.192.140.986	27.192.140.986	10.175.137.380	3.312.840.000	34.054.438.366	34.054.438.366

(i) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn :

Hợp đồng tín dụng : Số 6220-LAV-2017.01235/HĐTD ngày 30 ngày 11 tháng 2017.

Số tiền cho vay : 43.800.000.000 VND.

Thời gian cho vay : 8 năm (kể từ ngày giải ngân).

Thời gian ân hạn : 1 năm.

Lãi suất cho vay : 7.5%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng/ lần hoặc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Kỳ thanh toán nợ gốc : Trả đều hàng quý, cùng kỳ với nợ lãi, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Kỳ thanh toán lãi : Ngày 20 hàng quý (20/01, 20/4, 20/7 và 20/10).

Mục đích sử dụng vốn vay : Đầu tư thay mới ống mục trên địa bàn Quận 5, Quận 6, Quận 8 cho 16 dự án đã có Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay là Hệ thống đường ống cấp nước và các tài sản có liên quan do Agribank - Chi nhánh Chợ Lớn tài trợ theo

Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 6220-LCL-2017.01008/HTTL ngày 16/10/2017.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2019
Trong vòng 1 năm	4.782.880.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	25.154.400.000
Sau 5 năm	6.384.598.366
Cộng	36.321.878.366
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(4.782.880.000)
Số Phải trả sau 12 tháng	31.538.998.366

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 01 tháng 01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Tăng khác	Tại ngày 30 tháng 06
2018					
Quỹ khen thưởng	1.951.505.657	2.549.870.877	2.926.230.000	113.590.000	1.688.736.534
Quỹ phúc lợi	108.166.828	2.926.340.546	1.518.567.714	-	1.515.939.660
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	92.990.852	302.125.000	320.632.126	-	74.483.726
Cộng	2.152.663.337	5.778.336.423	4.765.429.840	113.590.000	3.279.159.920
2019					
Quỹ khen thưởng	1.688.736.534	2.800.000.000	2.766.758.333	50.000.000	1.771.978.201
Quỹ phúc lợi	1.515.939.660	2.400.000.000	620.064.000	300.000	3.296.175.660
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	74.483.726	336.500.000		-	410.983.726
Cộng	3.279.159.920	5.536.500.000	3.386.822.333	50.300.000	5.479.137.587

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2018	130.000.000.000	63.113.094.929	15.614.965.025	208.728.059.954
Lãi trong năm trước	-	-	13.553.466.600	13.553.466.600
Trích lập các quỹ ĐTPT –DPTC	-	736.628.598	(736.628.598)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
31/12/2018	130.000.000.000	63.849.723.527	16.878.934.827	210.728.658.354
01/01/2019	130.000.000.000	63.849.723.527	16.878.934.827	210.728.658.354
Lãi trong năm nay	-	-	16.213.928.860	16.213.928.860
Trích lập các quỹ ĐTPT –DPTC	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.536.500.000)	(5.536.500.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(10.400.000.000)	(10.400.000.000)
30/06/2019	130.000.000.000	63.849.723.527	17.156.363.687	211.006.087.214

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 số **0304797806** ngày 18 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vốn điều lệ của Công ty là 13.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 3		30/06/2019	01/01/2019
	VND	%	VND	VND
Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	2.31	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	2.766.520.000	2.13	-	-
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	2.31	3.005.000.000	3.005.000.000
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	66.304.000.000	51.00	66.304.000.000	66.304.000.000
Ông Lê Huy Hùng	-	-	21.567.900.000	21.567.900.000
Các cổ đông khác	54.924.480.000	42.25	36.123.100.000	36.123.100.000
Cộng	130.000.000.000	100.00	130.000.000.000	130.000.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Doanh thu thuần	521.622.391.081	485.238.953.677
Doanh thu cung cấp nước	513.424.497.964	478.326.954.504
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.197.893.117	6.911.999.173
Cộng	521.622.391.081	485.238.953.677

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Giá vốn cung cấp nước	467.128.861.064	455.188.647.264
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.195.271.400	8.158.876.543
Cộng	472.324.132.464	463.347.523.807

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	916.229.379	569.791.383
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.435.061	21.546.221
Cộng	939.664.440	591.337.604

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Lãi tiền vay	1.269.677.818	340.461.419
Cộng	1.269.677.818	340.461.419

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên bán hàng	7.459.056.052	5.086.894.920
Chi phí công cụ, dụng cụ	277.245.923	1.080.283.281
Chi phí khấu hao	336.866.079	463.406.820
Chi phí bằng tiền khác	841.585.351	1.347.771.263
Cộng	8.914.753.405	7.978.356.284

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	9.383.128.799	9.258.464.550
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.584.926.970	1.705.229.592
Chi phí khấu hao	2.104.043.812	1.965.764.204
Thuế, phí và lệ phí	115.029.523	1.163.083.370
Thuê đất	590.234.400	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.541.010	248.042.823
Chi phí bằng tiền khác	6.483.072.187	4.114.766.250
Cộng	20.305.976.701	18.455.350.789

7. Lợi nhuận khác

Thu nhập khác	1.007.023.011	1.080.220.551
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	909.091	3.636.364
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	800.706.888	327.223.252
Thanh lý tài sản cố định		73.650.822
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	11.848.000	400.000
Thu phí định mức nước, bồi thường di dời hệ thống cấp nước		559.712.674
Hàng được tặng	167.304.500	
Thu nhập khác	26.254.532	115.597.439
Chi phí khác	1.240.580.381	(16.245.764)
Chi phí hồ sơ mời thầu	5.168.182	-
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái	891.067.385	(22.650.085)
Chi phí thanh lý tài sản	99.840.294	
Nộp phạt chậm nộp thuế TNDN 2017 theo BB của Kiểm Toán Nhà Nước	92.367.240	
Hàng được tặng	152.095.000	
Chi phí khác	42.280	6.404.321

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	(233.557.370)	1.096.466.315
----------------------------------	----------------------	----------------------

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	19.513.957.763	(3.194.934.703)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	26.767.994.955	(3.295.399.833)
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	(7.254.037.192)	100.465.130
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	200.508.996
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	200.508.996
Chi phí phạt vi phạm hành chính	-	3.500.000
Thu lao HĐQT không tham gia điều hành sản xuất kinh doanh	-	197.008.996
Trừ: Lỗ các năm trước được kết chuyển	-	-
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	23%	39%
Thu nhập chịu thuế	19.513.957.763	(2.994.425.707)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	6.027.626.497	(1.193.203.924)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	20.740.368.458	(1.901.686.913)
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	(7.254.037.192)	100.465.130
Thuế suất áp dụng		
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	10%	10%
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.300.028.903	-

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009. Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2018. Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau : Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Năm 2019 Công ty không còn được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước. Chỉ còn được hưởng thuế suất 10%.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.213.928.860	(3.924.623.327)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.213.928.860	(3.924.623.327)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.247	(302)

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.213.928.860	(3.924.623.327)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.213.928.860	(3.924.623.327)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	16.213.928.860	(3.924.623.327)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.000.000	13.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.247	(302)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nước sạch	365.832.618.307	354.656.615.481
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.295.005.070	5.685.642.041
Chi phí nhân công	51.473.178.518	46.280.339.111
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.596.890.529	22.611.101.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.206.172.114	24.263.341.377
Chi phí khác bằng tiền	32.140.998.032	36.284.190.782
Cộng	501.544.862.570	489.781.230.580

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	30/06/2019	01/01/2019
Mua sắm/ xây dựng tài sản trong kỳ chưa thanh toán	-	2.555.816.179
Cổ tức chưa thanh toán	11.436.087.485	1.065.178.735
Lãi vay chưa thanh toán	470.760.316	282.419.687
Lãi tiền gửi còn dự thu	-	941.469.774

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	-	83.437.500
Cổ tức năm trước được chi trả trong kỳ này	5.510.666.869	1.116.623.691
Thanh toán trước tiền mua tài sản cố định	7.591.403.063	6.372.486.740
Mua sắm tài sản cố định năm trước chi trả trong kỳ này	1.824.202.900	322.635.546

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
Công ty Công trình giao thông Công Chánh
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Cho thuê TSCĐ huyện Bình Chánh	360.613.756.038	2.770.804.660
Cung cấp dịch vụ khác	-	(819.520.536)
Mua nước sạch	-	347.702.854.358
Mua vật tư	-	-
Mua tài sản	-	-
Thuê tài sản hoạt động	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Lãi vay phải trả		301.767.339
Cung cấp dịch vụ	(175.235.045)	-
Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước		
Phải trả phí tư vấn giám sát	62.491.909	938.333.745
Công ty CP Cấp nước Tân Hòa		
Phải trả cung cấp dịch vụ dò, sửa bể	382.858.016	-
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch		
Phải thu cung cấp dịch vụ	-	(123.437)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	30/06/2019	01/01/2019
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	9,401,199,062	12.951.055.881
Phải thu các khoản chi hộ	-	15.695.000
Phải trả thương mại	(68,494,319,310)	(95.768.554.632)
Phải trả phí thực hiện công trình XD CB	(711,572,719)	(711.572.719)
Phải trả tiền vay	-	-
Công ty Công trình giao thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(70.000.000)	(70.000.000)
Phải trả tiền ứng trước cung cấp dịch vụ	-	-
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư thiết kế, tư vấn giám sát công trình	176.086.107	103.158.207
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch		
Phải thu khác	15.696.000	15.695.000
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh		
Phải trả xây dựng cơ bản	150.756.456	223.677.256

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty CP Cấp nước Tân Hòa

Phải trả cung cấp dịch vụ dò, sửa bể

10.967.100

-

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Tiền lương	1.224.000.000	1.055.642.410
Các khoản bảo hiểm phải trả	40.032.069	44.807.017
Cộng	1.264.032.069	1.100.449.427

2. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (quận 5, quận 6, quận 8, quận Bình Tân).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.16a và V.16b trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/06/2019	01/01/2019
Các khoản vay	34.054.438.366	27.192.140.986
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(33.133.810.484)	(32.462.303.526)
Nợ thuần	920.627.882	(5.270.162.540)
Vốn chủ sở hữu	211.006.087.214	210.728.658.354
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0.004	(0.03)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.133.810.484	33.133.810.484	32.462.303.526	32.462.303.526
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	64.608.685.526	64.608.685.526	50.605.083.234	50.605.083.234
Phải thu của khách hàng	20.725.395.662	20.725.395.662	18.747.944.300	18.747.944.300
Phải thu khác	13.292.634	13.292.634	954.762.408	954.762.408
Cộng	118.481.184.306	118.481.184.306	102.770.093.468	102.770.093.468
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	76.972.518.459	76.972.518.459	106.546.476.852	106.546.476.852
Chi phí phải trả	41.882.398.171	41.882.398.171	12.090.394.702	12.090.394.702
Phải trả khác	37.690.025.779	37.690.025.779	26.589.676.638	26.589.676.638
Các khoản vay	34.054.438.366	34.054.438.366	27.192.140.986	27.192.140.986
Cộng	190.599.380.775	190.599.380.775	172.418.689.178	172.418.689.178

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng..).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
30/06/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.133.810.484	-	-	33.133.810.484
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	64.600.355.526	8.330.000	-	64.608.685.526
Phải thu của khách hàng	20.725.395.662	-	-	20.725.395.662
Phải thu khác	-	13.292.634	-	13.292.634
Cộng	118.459.561.672	21.622.634	-	118.481.184.306
Phải trả cho người bán	76.972.518.459	-	-	76.972.518.459
Chi phí phải trả	41.882.398.171	-	-	41.882.398.171
Phải trả khác	21.135.297.579	16.554.728.200	-	37.690.025.779
Các khoản vay	2.515.440.000	25.154.400.000	6.384.598.366	34.054.438.366
Cộng	142.505.654.209	41.709.128.200	6.384.598.366	190.599.380.775
Chênh lệch thanh khoản thuần	(24.046.092.537)	(41.687.505.566)	(6.384.598.366)	(72.118.196.469)
01/1/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.462.303.526	-	-	32.462.303.526
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.596.753.234	8.330.000	-	50.605.083.234
Phải thu của khách hàng	18.747.944.300	-	-	18.747.944.300
Phải thu khác	941.469.774	13.292.634	-	954.762.408
Cộng	102.748.470.834	21.622.634	-	102.770.093.468
Phải trả cho người bán	106.546.476.852	-	-	106.546.476.852
Chi phí phải trả	12.090.394.702	-	-	12.090.394.702
Phải trả khác	10.217.861.297	16.371.815.341	-	26.589.676.638
Các khoản vay	3.737.480.000	18.687.400.000	4.767.260.986	27.192.140.986
Cộng	132.592.212.851	35.059.215.341	4.767.260.986	172.418.689.178
Chênh lệch thanh khoản thuần	(29.843.742.017)	(35.037.592.707)	(4.767.260.986)	(69.648.595.710)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

15/06/2019
 V
 M

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2019

NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng



HUỲNH TUẤN ANH
Giám đốc

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



TỔNG CÔNG CẤP NƯỚC SÀI GÒN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH
QUÍ II NĂM 2019

Theo báo cáo kết quả kinh doanh quý 2 năm 2019 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của quý 2 năm 2019 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2019	Quý II năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Doanh thu nước và doanh thu cho thuê TSCĐ	263,094,059,742	246,994,655,842	16,099,403,900	106.52%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4,286,198,095	3,711,145,975	575,052,120	115.50%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	267,380,257,837	250,705,801,817	16,674,456,020	106.65%

b. Thuyết minh:

Doanh thu thuần bán hàng quý 2 năm 2019 cao hơn quý 2 năm 2018 là 16.674.456.020 đồng, tỷ lệ tăng 106,65% do:

1. Doanh thu nước và doanh thu cho thuê TSCĐ quý 2 năm 2019 cao hơn quý 2 năm 2018 là 16.099.403.900 đồng, tỷ lệ tăng là 106,52% do:

Sản lượng nước cung cấp quý 2 năm 2019 tăng so với quý 2 năm 2018 là 1.316.859 m³, tỷ lệ tăng 105,08% làm cho doanh thu nước tăng 12.652.916.048 đồng.

Giá bán bình quân quý 2 năm 2019 tăng so với quý 2 năm 2018 là 191,8 đồng/m³, tỷ lệ tăng 102.04%, làm cho doanh thu tăng thêm 4.974.436.747 đồng

Doanh thu cho thuê TSCĐ huyện Bình Chánh quý 2 năm 2019 thấp hơn 1.527.94.895 đồng so với quý 2 năm 2018 do Công ty hạch toán doanh thu cho thuê 6 tháng đầu năm 2018 vào quý 2 năm 2018. Năm 2019 Công ty hạch toán vào từng quý.

2. Doanh thu cung cấp dịch vụ quý 2 năm 2019 tăng so với quý 2 năm 2018 là 575.052.120 đồng, tỷ lệ tăng 115,5%

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2019	Quý II năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán nước	235,854,734,263	232,696,437,922	3,158,296,341	101.36%
Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ	2,338,893,906	4,566,626,457	(2,227,732,551)	51.22%
Cộng	238,193,628,169	237,263,064,379	930,563,789	100.39%

Trong đó chi tiết giá vốn nước:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2019	Quý II năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nguyên vật liệu – nước sạch	185,662,448,529	181,308,639,257	4,353,809,272	102.40%
Chi phí nguyên vật liệu khác	1,137,763,493	812,071,790	325,691,703	140.11%
Chi phí nhân công	16,601,113,838	16,082,582,999	518,530,839	103.22%



Chỉ tiêu	Quý II năm 2019	Quý II năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí khấu hao tài sản	10,536,128,991	10,381,469,568	154,659,423	101.49%
Chi phí thuê tài sản hoạt động	11,580,315,552	12,141,913,980	(561,598,428)	95.37%
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	6,056,945,036	8,595,963,030	(2,539,017,994)	70.46%
Chi phí chống thất thoát nước	1,755,511,159	1,973,089,083	(217,577,924)	88.97%
Chi phí cải tạo ống mục	201,998,641		201,998,641	0.00%
Chi phí sửa bể	1,979,256,367	1,021,288,283	957,968,084	193.80%
Chi phí khác	343,252,657	379,419,932	(36,167,275)	90.47%
Tổng chi phí sản xuất	235,854,734,263	232,696,437,922	3,158,296,341	101.36%

b. Thuyết minh

Giá vốn hàng bán trong quý 2 năm 2019 cao hơn so với quý 2 năm 2018 là 3.158.296.341 đồng, tỷ lệ tăng 101,36% do:

- Chi phí mua si nước sạch tăng 4.353.809.272 đồng, tỷ lệ tăng 102,4% do:
Sản lượng nước mua si quý 2 năm 2019 tăng so với quý 2 năm 2018 là 233.191 m³ tỷ lệ tăng 100,65% làm giá mua si tăng 1.194.077.835 đồng
Giá mua si nước sạch tăng 87,71 đồng/m³, tỷ lệ tăng 101,74% làm cho chi phí mua si nước sạch tăng tương ứng 3.159.731.436 đồng
 - Chi phí nhân nguyên liệu, vật liệu khác phục vụ công tác sửa bể, chống thất thoát nước tăng 324.874.328 đồng, tỷ lệ tăng 140,01%.
 - Chi phí nhân công Quý 2 năm 2019 cao hơn quý 2 năm 2018 là 518.530.939 đồng, tỷ lệ tăng 103,22%, tăng chủ yếu do tăng khoản chi phí bảo hiểm nhân thọ(tăng 400.000đ/người/tháng) số tiền 374.260.060đ, chi phí khám sức khỏe, tiền lương...
 - Chi phí KHTSCĐ tăng 154.659.423 đồng , tỷ lệ tăng 101,49%
 - Chi phí thuê TSCĐ giảm 561.598.428 đồng, tỷ lệ giảm 4,63% do chi phí lãi vay phải trả của Tcty giảm nên chi phí thuê tài sản giảm.
 - Chi phí gắn và thay ĐHN quý 2 năm 2019 giảm so với quý 2 năm 2018 là 2.539.017.993 đồng, tỷ lệ giảm 29,54% do năm 2019, Công ty không còn phải gánh chi phí phân bổ ĐHN của năm 2015.
 - Chi phí CTTN giảm 217.577.924 đồng, tỷ lệ giảm 11,03% so với quý 2 năm 2018
 - Chi phí cải tạo ống mục tăng 201.998.641 đồng, tỷ lệ tăng 100%, do năm 2019 Công ty hạch toán chi phí CTOM theo từng quý, năm 2018 Công ty hạch toán vào đầu quý 1 năm 2018
 - Chi phí sửa bể quý 2/2019 tăng so với quý 2/2018 là 957.968.084 đồng, tỷ lệ tăng 193,8% do quý 2 năm 2019 Công ty thuê đơn vị bên ngoài dò và sửa bể nhằm kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước (cụ thể: quý 2 năm 2019 Công ty đã thuê ngoài dò và sửa bể là 1.851.816.092 đồng, quý 2 năm 2018 chi phí thuê ngoài là 265.612.130 đồng)
 - Chi phí khác quý 2 năm 2019 giảm so với quý 2 năm 2018 là 36.167.275 đồng, tỷ lệ giảm 9,53%
- Giá vốn cung cấp dịch vụ quý 2 năm 2019 giảm so với quý 2 năm 2018 là 2.227.732.551 đồng, tỷ lệ giảm 48,78%

III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2019	Quý II năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	3,578,864,051	2,665,400,666	913,463,385	134.27%
Chi phí công cụ dụng cụ	127,309,942	517,818,590	(390,508,648)	24.59%
Chi phí khấu hao	189,590,556	231,703,410	(42,112,854)	81.82%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	489,913,638	917,631,254	(427,717,616)	53.39%
Cộng	4,385,678,187	4,332,553,920	53,124,267	101.23%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng quý 2 năm 2019 cao so với quý 2 năm 2018, tăng 53.124.267 đồng, tỷ lệ tăng 101,23% chủ yếu do:

Chi phí nhân công tăng 913.463.385 đồng, tỷ lệ tăng 134,27% tăng chủ yếu do: Công ty hạch toán tạm chi phí tiền lương theo kế hoạch tiền lương đã được duyệt, bên cạnh đó, quỹ lương kế hoạch năm 2019 cao hơn quỹ lương năm 2018 làm cho chi phí tiền lương của từng quý năm 2019 cao hơn so với năm 2018.

Chi phí công cụ dụng cụ giảm 390.508.648 đồng, tỷ lệ giảm 75,41%

Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác giảm 427.717.616 đồng, tỷ lệ giảm 46,61%, so với Quý 2 năm 2018, Quý 2 năm 2018 tăng chủ yếu là cập nhật Gis, chi phí in mẫu ấn chỉ, khoản mua sắm giấy in nhiệt phục vụ công tác in hóa đơn điện tử

IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2019	Quý II năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	4,408,669,187	5,465,806,805	(1,057,137,618)	80.66%
Chi phí công cụ dụng cụ	786,552,342	865,951,531	(79,399,189)	90.83%
Chi phí khấu hao	971,336,285	978,560,905	(7,224,620)	99.26%
Thuế, phí chuyển tiền	59,393,493	48,431,073	10,962,420	122.64%
Thuê đất	295,117,200	590,234,400	(295,117,200)	50.00%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	3,672,806,835	2,333,068,289	1,339,738,546	157.42%
Cộng	10,193,875,342	10,282,053,003	(88,177,661)	99.14%

b. Thuyết minh:

Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 2 năm 2019 giảm so với quý 2 năm 2018 là 88.177.661 đồng, tỷ lệ giảm 0,86% do.

1. Chi phí nhân công giảm 1.057.137.618 đồng, tỷ lệ giảm 19,34%

2. Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác quý 2/2019 tăng 1.339.738.546 đồng, tỷ lệ tăng 157,42% do quý 2 năm 2019 Công ty hạch toán trích trước chi phí tham quan nghỉ mát của năm 2019 là 1.245.163.635 đồng, năm 2018 hạch toán toàn bộ chi phí tham quan nghỉ mát vào quý 3 năm 2018.

V. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2019	Quý II năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	675,239,908	439,479,407	235,760,501	153.65%
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14,564,810	8,876,532	5,688,278	164.08%
Cộng	689,804,718	448,355,939	241,448,779	153.85%

b. Thuyết minh:

Lãi tiền gửi ngân hàng quý 2 năm 2019 tăng so với quý 2 năm 2018 là 241.448.779 đồng, tỷ lệ tăng 153,85% do quý 2 năm 2019 lượng tiền gửi có kỳ hạn đến kỳ đáo hạn cao hơn so với quý 2 năm 2018

VI. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2019	Quý II năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí lãi vay	624,704,713	183,990,783	440,713,930	339.53%
Cộng	624,704,713	183,990,783	440,713,930	339.53%

b. Thuyết minh:

Chi phí hoạt động tài chính của quý 2 năm 2019 tăng so với quý 2 năm 2018 là 440.713.930 đồng, tỷ lệ tăng 339,53% do quý 2 năm 2019 Công ty thanh toán lãi vay các dự án năm 2017 đã giải ngân trong năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019

VII. THU NHẬP KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2019	Quý II năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Thu hồ sơ mời thầu	-	3,636,364	(3,636,364)	
Thu tiền KH đầu tư ống cái	690,354,130	232,498,131	457,855,999	296.93%
Thu tiền thanh lý tài sản	-	73,650,822	(73,650,822)	
Khảo sát thiết kế đường ống	11,848,000	-	11,848,000	
Thu tiền bồi thường di dời	-	559,712,674	(559,712,674)	
Hàng được tặng	167,304,500	-	167,304,500	
Thu khác	15,531,674	102,819,629	(87,287,955)	15.11%
Cộng	885,038,304	972,317,620	(87,279,316)	91.02%

b. Thuyết minh:

Thu nhập khác của quý 2 năm 2019 thấp hơn quý 2 năm 2018 là 87.279.316 đồng, tỷ lệ giảm 8,98% do:

Thu tiền khách hàng đầu tư ống cái tăng 457.855.999 đồng so với quý 2 năm 2018, tỷ lệ tăng 296,93%

Thu tiền bồi thường di dời quý 2 năm 2019 Công ty không phát sinh thu nhập này, trong khi quý 2 năm 2018 thu được 559.712.674 đồng.

Quý 2 năm 2019 Công ty phát sinh thu nhập khác từ hàng được tặng là 167.304.500 đồng.

Thu nhập khác quý 2 năm 2019 thấp hơn quý 2 năm 2018 là 87.287.955 đồng, tỷ lệ giảm 84,89%

VII. CHI PHÍ KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2019	Quý II năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí thanh lý		(10,440,087)	10,440,087	100.00%
Đăng báo mời thầu	5,018,182	-	5,018,182	
Chi phí ống cái do KH đầu tư không hoàn vốn	834,792,623	268,784,085	566,008,538	310.58%
Di dời hệ thống cấp nước	-	-	-	
Nộp phạt chậm nộp thuế TNDN năm 2017	-	-		
Hàng được tặng	152,095,000	-		
Khác	4	2,903,034	(2,903,030)	0.00%
Cộng	991,905,809	261,247,032	578,563,777	379.68%

b. Thuyết minh:

Chi phí khác của quý 2 năm 2019 tăng so với quý 2 năm 2018 là 578.563.777 đồng, tỷ lệ tăng 379,68% do, chi phí ống cái quý 2 năm 2019 tăng cao hơn quý 2 năm 2018 là 566.008.538 đồng, tỷ lệ tăng 310,58%

IIX. LỢI NHUẬN:*a. Phân tích chỉ tiêu:*

Chỉ tiêu	Quý II năm 2019	Quý II năm 2018	Chênh lệch
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	14,565,308,639	(196,433,741)	14,761,742,381
Thuế TNDN	2,411,148,217		2,411,148,217
Thuế TNDN hoãn lại		729,688,624	(729,688,624)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	12,154,160,422	(926,122,365)	13,080,282,788

b. Thuyết minh:

Qua phân tích các chỉ tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thì lợi nhuận trước thuế của quý 2 năm 2019 là 14.565.308.639 đồng.

LẬP BIỂU**NGUYỄN THỊ KIM LOAN****KẾ TOÁN TRƯỞNG****VŨ THỊ NHƯ QUỲNH**

Quận 5, ngày 18 tháng 07 năm 2019
GIÁM ĐỐC

HUỲNH TUẤN ANH

10/2020/10/11

II. LỢI NHUẬN:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2019	Quý II năm 2018	Chênh lệch
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	14,565,308,639	(196,433,741)	14,761,742,381
Thuế TNDN	2,411,148,217		2,411,148,217
Thuế TNDN hoãn lại		729,688,624	(729,688,624)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	12,154,160,422	(926,122,365)	13,080,282,788

b. Thuyết minh:

Qua phân tích các chỉ tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thì lợi nhuận trước thuế của quý 2 năm 2019 là 14.565.308.639 đồng.

LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ KIM LOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VŨ THỊ NHƯ QUỲNH

Quận 5, ngày 18 tháng 07 năm 2019



HUỲNH TUẤN ANH